

Số: **693/2020/QĐST-HNGĐ**

Hà Nội, ngày 18 tháng 11 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN Đ

Căn cứ vào Điều 212; Điều 213; khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 933/2020/TLST - HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- **Chị Nguyễn Thị Y**, sinh năm 1973; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 277 đường Đ (số cũ: 38 tổ 31), phường Ô, quận Đ, thành phố Hà Nội; chỗ ở: Nhà số , ngách 68, ngõ L, phố Q, phường V, quận Đ, thành phố Hà Nội.

- **Anh Đỗ Văn T**, sinh năm 1973; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 277 đường Đ (số cũ: 38 tổ 31), phường Ô, quận Đ, thành phố Hà Nội; chỗ ở: số 24/323 đường X, phường X, quận B, thành phố Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Y và anh Đỗ Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường A, quận T, thành phố Đà Nẵng ngày 19/5/2000 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không hợp tính cách, bất đồng quan điểm sống và về tài chính. Nay anh chị xác định tình cảm vợ chồng không còn và yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn là phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[2]. Về con chung: Chị Nguyễn Thị Y và anh Đỗ Văn T thống nhất xác nhận vợ chồng có 02 con chung là Đỗ Nguyên P (nam), sinh ngày: 16/12/2000 và Đỗ Thị Minh T (nữ), sinh ngày: 27/9/2002. Các con chung của anh chị đã trưởng thành, đủ 18 tuổi, ở với ai do các cháu tự quyết định, anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3]. Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Y và anh Đỗ Văn T thống nhất xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4]. Về nợ: Chị Nguyễn Thị Y và anh Đỗ Văn T thống nhất xác nhận vợ chồng không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5]. Về lệ phí Tòa án: Chị Nguyễn Thị Y tự nguyện chịu cả 300.000 đồng lệ phí ly hôn sơ thẩm và không có yêu cầu gì đối với anh Đỗ Văn T. Anh T. đồng ý và không có ý kiến gì.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Y và anh Đỗ Văn T.

- Về con chung: Chị Nguyễn Thị Y và anh Đỗ Văn T thống nhất xác nhận vợ chồng có 02 con chung là Đỗ Nguyên P (nam), sinh ngày: 16/12/2000 và Đỗ Thị Minh T(nữ), sinh ngày: 27/9/2002. Các con chung của anh chị đã trưởng thành, đủ 18 tuổi, ở với ai do các cháu tự quyết định, anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xét.

- Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Y và anh Đỗ Văn T thống nhất xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xét.

- Về nợ: Chị Nguyễn Thị Y và anh Đỗ Văn T thống nhất xác nhận vợ chồng không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xét.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị Nguyễn Thị Y tự nguyện chịu cả 300.000 đồng lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, đã nộp tại Biên lai số 0015055 ngày 30/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Đ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Đ;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Đ;
- UBND phường A, quận T, TP.Đà Nẵng
(để ghi vào sổ hộ tịch: GCNKH số 67,
Quyển số 01, ngày 19/5/2000);
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

ĐÌNH QUỐC TRÍ